

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/DS-ST

Ngày: 18-01-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đắc Hân

Ông Hoàng Đức Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2021/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2022/QĐST-DS, ngày 07 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Đ; địa chỉ trụ sở chính: Số 130 P, phường 3, quận P, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H – Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch (Quyết định ủy quyền số 265/QĐ-DAB-PC, ngày 28/02/2020); có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Tô Thị H; nơi cư trú: Thôn 3, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh Mạc Thành C; nơi cư trú: Thôn 3, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 5 năm 2021, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (tên viết tắt DongA Bank) do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 22/5/2018 bà Tô Thị H có quan hệ tín dụng với DongA Bank thông qua Hợp đồng tín dụng số 005298220131115601T18044 nội dung là vay trả góp số tiền là 30.000.000 đồng, ngày vay là 22/5/2018 đến hạn ngày 22/11/2019; lãi suất vay là 9,5%/năm; thời hạn vay 18 tháng; mục đích vay vốn bổ sung phát triển kinh tế hộ gia đình; vay không có tài sản bảo đảm. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay DongA Bank đã giải ngân cho chị H vay số tiền 30.000.000 đồng nói trên và chị H cũng đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng và đã trả được số tiền gốc là 24.525.000 đồng; lãi trong hạn là 4.125.000 đồng. Tổng đã trả được số tiền là 28.650.000 đồng nhưng sau đó chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nữa và ngày 22/10/2019 hồ sơ vay vốn của chị H đã đến hạn trả nợ định kỳ cho Ngân hàng nhưng chị H không thanh toán. Ngân hàng cùng tổ trưởng tổ vay và Chủ tịch hội phụ nữ xã đến nhà nhiều lần đôn đốc, lập biên bản làm việc, tuy nhiên chị H không hợp tác hoàn toàn không có ý thức trong việc thanh toán nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm chị H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 3.821.150 đồng trong đó nợ gốc là: 1.975.000 đồng; lãi trong hạn là 150.000 đồng; lãi quá hạn là 1.696.150 đồng. Nay Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Tô Thị H phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ khoản nợ gốc và lãi nói trên theo quy định tại hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Trường hợp chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng và đầy đủ cho Ngân hàng đề nghị Tòa án tuyên anh Mạc Thành C phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho chị H cho đến khi hết nợ vay căn cứ theo nội dung trong Đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn của chị H, anh C là người bảo lãnh có xác nhận của chủ tịch hội phụ nữ xã N ký xác nhận.

Bị đơn là chị Tô Thị H, sinh năm 1985 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Mạc Thành C, sinh năm 1985 là vợ chồng hiện đang sinh sống tại thôn 3, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ xác định đến nay chị H và anh C vẫn thường xuyên sinh sống và làm việc bình thường tại địa chỉ nói trên chưa cắt khẩu, chuyển khẩu đi nơi khác, song chị H và anh C cố tình trốn tránh không hợp tác không đến Tòa án trình bày quan điểm về việc Ngân hàng TMCP Đ có đơn khởi kiện. Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị H, anh C. Anh Mạc Thành C chồng chị H đã nhận tuy nhiên đến ngày mở phiên tòa chị H, anh C vẫn vắng mặt không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tham gia phiên tòa sơ thẩm hôm nay. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện cơ bản đúng, đầy đủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán, đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định về ra Thông báo thụ lý vụ án, bảo đảm về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc lập hồ sơ vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, việc giao nộp và yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ, xác minh, cấp tổng đạt và tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã đảm bảo tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại Điều 70, 72 và Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3, Điều 26, 35, 39, 91, 92, 96, 147 và Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 117, 274, khoản 1 Điều 275, 275, 463, 464, 465, 466, 467, 468, khoản 7, Điều 292, 335, 336, 339, 340, 342, Điều 343 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 90, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn chị Tô Thị H phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ khoản nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 3.821.150 đồng trong đó nợ gốc là: 1.975.000 đồng; lãi trong hạn là 150.000 đồng; lãi quá hạn là 1.696.150 đồng theo nội dung hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00529822-0131115601T18044, ngày 22/5/2018.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, chị Tô Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và Đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa

án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp chị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng DongA Bank thì DongA Bank có quyền yêu cầu anh Mạc Thành C (chồng chị Tô Thị H) phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho chị Tô Thị H cho đến khi hết nợ vay theo nội dung cam kết của người bảo lãnh tại Đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn ngày 02/5/2018 có xác nhận của chủ tịch hội phụ nữ xã N.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chị Tô Thị H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật, trả lại nguyên đơn Ngân hàng DongA Bank số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật. giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Bị đơn chị Tô Thị H, sinh năm 1985 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Mạc Thành C, sinh năm 1985 (chồng chị H); nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở tại: thôn 3, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng, cho đến thời điểm hiện nay chị H, anh C chưa đến Công an xã N xin làm thủ tục cắt khẩu, chuyển khẩu đi nơi khác. Do đó Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng anh C đã nhận đầy đủ, song đến ngày mở phiên tòa chị H, anh C vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp

Nguyên đơn, Ngân hàng TMCP Đ và bị đơn chị Tô Thị H, anh Mạc Thành C có quan hệ tín dụng với nhau thông qua hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00529822-0131115601T18044, ngày 22/5/2018 và Đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn ngày 02/5/2018 có xác nhận của chủ tịch hội phụ nữ xã N; mục đích vay bổ sung vốn phát triển kinh tế gia đình. Đây là vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng tín dụng đã ký giữa các đương sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng

Căn cứ lời khai của các đương sự trong vụ án, cùng các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án và được xem xét công khai tại phiên tòa đủ căn cứ xác định:

Năm 2018 chị Tô Thị H có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Đ thông qua Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00529822-0131115601T18044, ngày 22/5/2018 và Đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 02/5/2018 số tiền vay là 30.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng thời gian đầu chị H thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả lại cho DongA Bank và đã trả được một phần tiền gốc nhưng sau đó chị H không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ như nội dung hợp đồng tín dụng đã ký kết với DongA Bank nên toàn bộ khoản vay trên đã bị chuyển quá hạn. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng DongA Bank đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết buộc bị đơn chị Tô Thị H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho DongA Bank tổng số tiền gốc và lãi của hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 3.821.150 đồng trong đó nợ gốc là: 1.975.000 đồng; lãi trong hạn là 150.000 đồng; lãi quá hạn là 1.696.150 đồng. Bị đơn chị Tô Thị H trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, song đến ngày mở phiên tòa lần thứ 2 chị H vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có bất kỳ văn bản, tài liệu, chứng cứ nào gửi đến Tòa án trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của DongA Bank.

Hội đồng xét xử, xét tại thời điểm ký kết hợp đồng các bên tham gia ký kết hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, việc ký kết các hợp đồng tín dụng và Đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay là hoàn toàn tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội. Trong quá trình thực hiện hợp đồng DongA Bank đã giải ngân đủ số tiền vay theo hợp đồng tín dụng đã ký, chị H đã ký nhận đủ số tiền vay. Như vậy DongA Bank đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, việc chị H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho DongA Bank là vi phạm nghĩa vụ trả nợ do các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Do vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn chị Tô Thị H phải trả cho DongA Bank toàn bộ số nợ gốc và lãi nói trên là phù hợp quy định tại các Điều 117, 274, 275, 463, 464, 465, 466, 467, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 90, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[4] Xét yêu cầu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Mạc Thành C (người bảo lãnh) thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho DongA Bank:

Tại đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 02/5/2018 có xác nhận của chủ tịch hội phụ nữ xã N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Mạc Thành C (chồng chị H) là người bảo lãnh có cam kết: “Tôi cam kết trong trường hợp bà Tô Thị H không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ hàng kỳ cho DongA Bank, tôi sẽ trả nợ thay cho người vay cho đến khi hết nợ vay tại DongA Bank. Trường hợp tôi không trả nợ, tôi đồng ý để DongA Bank có quyền trích từ tài khoản tiền gửi hoặc tài sản gửi khác của cá nhân tôi tại DongA Bank để thu hồi nợ vay”.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 02/5/2018 có xác nhận của chủ tịch hội phụ nữ xã N giữa vợ chồng chị H, anh C với DongA Bank là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật trong đó đã nêu rõ quyền, nghĩa vụ của các bên. Trường hợp chị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng DongA Bank thì DongA Bank có quyền yêu cầu anh Mạc Thành C (chồng chị Tô Thị H) phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho chị Tô Thị H cho đến khi hết nợ vay theo nội dung cam kết của người bảo lãnh là phù hợp quy định tại các Điều khoản 7, Điều 292, 335, 336, 339, 340, 342 và Điều 343 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chị Tô Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, Điều 26, 35, 39, 91, 92, 96, 147 và Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 117, 274, khoản 1 Điều 275, 275, 463, 464, 465, 466, 467, 468, khoản 7, Điều 292, 335, 336, 339, 340, 342 và Điều 343 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 90, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ buộc bị đơn chị Tô Thị H phải có trách nhiệm trả nợ toàn bộ khoản nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 3.821.150 đồng trong đó nợ gốc là: 1.975.000 đồng; lãi trong hạn là 150.000 đồng; lãi quá hạn là 1.696.150 đồng tại hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00529822-0131115601T18044, ngày 22/5/2018.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, chị Tô Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và Đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp chị Tô Thị H không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ thì người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Mạc Thành C phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho chị Tô Thị H cho đến khi hết nợ vay theo nội dung cam kết của người bảo lãnh tại Đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 02/5/2018.

3. Về án phí: Bị đơn chị Tô Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 350.000.000 đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007552, ngày 14/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên
- TAND TP Hải Phòng;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mến

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên
- TAND TP Hải Phòng;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mến

*Mẫu số 51-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP
ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)*

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....(1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày... tháng...năm

Tại:(2).....

Với Hội đồng xét xử(3)gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà).....

..... (4)

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số...../...../.....(5)

ngày.....tháng.....năm.....về (6)..... giữa:

Nguyên đơn

Bị đơn

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

..... (7)

)
Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật(8).

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
 QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU(9)**

.....

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 51-DS:

- (1) Ghi tên Tòa án tiên hành phiên hoà giải và lập biên bản hoà giải thành; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H). Nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh, (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh H).
- (2) Ghi địa điểm nơi tiến hành phiên toà (ví dụ: Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh N; hoặc: Tại Hội trường Ủy ban nhân dân huyện S, thành phố H).
- (3) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm thì ghi “sơ thẩm”; nếu Hội đồng xét xử phúc thẩm thì ghi “phúc thẩm”.
- (4) Ghi đầy đủ tên thành viên Hội đồng xét xử.
- (5) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu tại cấp sơ thẩm thì ghi “TLST”, nếu tại cấp phúc thẩm thì ghi “TLPT”; ô thứ tư nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi “DS”; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi “HNGĐ”; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi “KDTM”; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi “LĐ” (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).
- (6) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).
- (7) Ghi đầy đủ tên của các đương sự tương ứng với tư cách đương sự trong vụ án.
- (8) Nếu thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi tập quán, tương tự pháp luật, những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ, hoặc lẽ công bằng (nếu có).
- (9) Ghi các ý kiến thảo luận, biểu quyết và quyết định của Hội đồng xét xử theo từng vấn đề của vụ án, nếu có ý kiến khác thì ghi rõ ý kiến của thành viên Hội đồng xét xử có ý kiến khác.

Mẫu số 52 (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP
ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:(2)...../...../.....

Ngày:(3)-.....-.....

V/v tranh chấp(4).....

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN (5).....

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:(6)

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà).....

Thẩm phán: Ông (Bà)

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông (Bà).....

2. Ông (Bà).....

3. Ông (Bà).....

- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà).....(7)

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân(8)..... *tham gia phiên tòa:*

Ông (Bà).....-Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm.....(9) tại

xét xử sơ thẩm công khai(10) vụ án thụ lý số:...../...../TLST-.....(11)

ngày..... tháng..... năm..... về tranh chấp.....(12)

theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:...../...../QĐXX-ST ngày.....

tháng..... năm..... giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:(13).....

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:(14)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:(15).....

2. Bị đơn: (16)

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:(17)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:(18)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có yêu cầu độc lập, tham gia tố tụng với bên nguyên đơn hoặc tham gia tố tụng với bên bị đơn):(19).....

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:(20)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:(21).....

4. Người làm chứng(22)

5. Người giám định:(23).....

6. Người phiên dịch:(24)

NỘI DUNG VỤ ÁN: (25)

.....

.....

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:(26)

[1]

[2]

[3]

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào.....(27)

(28):

..... (2

9)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: “Số:100/2017/DS-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: “Số:108/2017/HNGĐ-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: “Số:110/2017/KDTM-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: “Số:115/2017/LĐ-ST”).

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà, bỏ dòng “Thẩm phán...”, đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ “Tòa án nhân dân” thành “Viện kiểm sát nhân dân”.

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ “Trong các” (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi “Trong các ngày” (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì

ghi: “Từ ngày đến ngày” (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ “công khai” bằng từ “kín”.

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi “DS”; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi “HNGĐ”; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi “KDTM”; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi “LĐ” (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phân tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)